

Bản án số:01/2020/DS-ST

Ngày 15-01-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị O

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Th

Ông Giáp Hồng Th

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST- DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST- DS ngày 25/12/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP Việt Nam Th (VPBank)

Địa chỉ trụ sở: số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th (VPBank)

- Ông Lý Việt Th, Trưởng bộ phận xử lý nợ VPBank AMC (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn C, Cán bộ xử lý nợ VPBank AMC (có mặt)

(văn bản ủy quyền số 4710/2019/UQ- VPB ngày 21/6/2019)

**** Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn V, xã Ph, huyện T, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: TP/VN0010324/201712/595490 ngày 04/12/2017 ký với VPBank thì chị Nguyễn Thị Th có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th (gọi tắt là ngân hàng) số tiền 30.000.000 đồng

Thực hiện hợp đồng, ngày 19/12/2017 ngân hàng đã giải ngân cho chị Th vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay trong hạn là 36%/ năm, lãi suất được thay đổi 3 tháng/ lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 01/4/2018. Lãi suất quá hạn là 150 % lãi suất trong hạn. Các kỳ trả nợ gốc, lãi; 01/ tháng/01 lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 19/01/2018, tổng cộng gồm 36 kỳ, ngày kết thúc thời hạn vay là 19/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/3/2018 với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã thông báo nhiều lần yêu cầu chị Th thanh toán số nợ nhưng chị Th không thanh toán. Tính đến ngày 15/01/2020 chị Th còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 29.080.688 đồng và tiền lãi là 28.903.627 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 2.846.800 đồng. Đến nay ngân hàng yêu cầu chị Th phải trả số tiền là 60.831.115 đồng và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh kể từ ngày 16/01/2020.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hòa giải và xét xử nhưng không đến Tòa án để làm việc, Tòa án cũng không lấy được lời khai của chị Th.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 04/12/2017 Ngân hàng và chị Nguyễn Thị Th có ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: TP/VN0010324/201712/595490, ngày 19/7/2017 ngân hàng đã giải ngân cho chị Th vay 30.000.000 đồng, hạn trả ngày 19/12/2020 nhưng chị Th không trả được nợ như cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả số tiền nợ là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã cho vay đối với chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại thôn V, xã Ph, huyện T. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt nhưng chị Th đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập được lời khai của chị Th nhưng theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của ngân hàng phù hợp với giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: TP/VN0010324/201712/595490 ngày 04/12/2017, nội dung của văn bản đã thể hiện chị Th có vay của ngân hàng số tiền là 30.000.000 đồng, Cụ thể ở phần “III. Đề nghị vay vốn” chị Th đã đề nghị ngân hàng cho vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn mua đồ gia dụng, thời hạn vay là 36 tháng. Tại phần “VIII. Phần xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank”, ngân hàng đã đồng ý cấp cho chị Th khoản vay 30.000.000 đồng vào ngày 19/12/2017, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay để tiêu dùng mua đồ gia dụng, lãi suất cho vay trong hạn là 36%/năm. Kèm theo “Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 04/12/2017, chị Th còn ký vào phương án sử dụng vốn, trong đó cũng ghi rõ số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay và thời hạn sử dụng vốn vay. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ngày 19/12/2017, ngân hàng đã giải ngân cho chị Th vay số tiền là 30.000.000 đồng với thời hạn vay, lãi suất cho vay như thỏa thuận đã nêu trên.

Theo thỏa thuận tại phần xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank và tại mục 2. Các nội dung được chấp thuận khác: “Các nội dung khác liên quan tới khoản vay của khách hàng không được đề cập trong phần đề nghị vay vốn của khách hàng tại Giấy đăng ký và xác nhận chấp thuận này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều khoản giao dịch chung”. Chị Th ký khi vay số tiền 30.000.000 đồng thì chị Th phải trả gốc và lãi theo phân kỳ hàng tháng cho ngân hàng vào ngày 19, bắt đầu từ ngày 19/01/2018, chia làm 36 kỳ nếu vi phạm bất kỳ 1 phân kỳ trả nợ nào thì ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu chị Th phải trả tiền. Đối chiếu với bảng kê tính lãi của Ngân hàng cung cấp thì thấy kể từ ngày 21/02/2018 chị Th không trả được phân kỳ nào nữa. Do vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả trước thời hạn là đúng. Về mức lãi suất

trọng hạn, lãi suất quá hạn của kỳ trả nợ bằng 150% lãi suất trong hạn điều chỉnh theo định kỳ mà giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử đã ghi nằm trong phạm vi pháp luật quy định. Từ khi vay đến ngày 15/01/2020 chị Th đã trả được 919.312 đồng tiền gốc và 1.889.159 đồng tiền lãi và 13.831 đồng tiền phạt. Tổng cộng chị Th còn nợ ngân hàng là 57.984.315 đồng (trong đó 29.080.688 đồng tiền gốc và 28.903.627 đồng tiền lãi tính đến ngày 15/01/2020). Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Th phải trả số tiền gốc và lãi là 57.984.315 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 16/01/2020 cho ngân hàng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của ngân hàng. Về tiền phạt chậm trả lãi do chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho ngân hàng nên Hội đồng xét xử cần buộc chị Th phải trả cho ngân hàng số tiền 2.846.800 đồng là phù hợp.

*Về trách nhiệm trả tiền: trước khi chị Th vay tiền của ngân hàng thì chị Th đã ly hôn và chưa tái hôn nên cá nhân chị Th phải trả nợ cho ngân hàng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên chị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Th đối với chị Nguyễn Thị Th.

Buộc chị Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền là 60.831.115 đồng đồng. Trong đó 29.080.688 đồng tiền gốc và 28.903.627 đồng tiền lãi và 2.846.800 đồng tiền phạt chậm trả lãi. Chị Nguyễn Thị Th phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: TP/VN0010324/201712/595490 ngày 04/12/2017 kể từ ngày 16/01/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 3.041.555 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Th 1.003.000 đồng (do ông Nguyễn Văn Q nộp) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005801 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị O